

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HC-PT
Ngày: 27/02/2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong Q4 lý nhà, đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán : Bà Mai Thị Thanh Tú

: Ông Trần Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 57/2019/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong Q4 lý nhà, đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1489/2019/HC-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận BI bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2020/QĐXXPT-HC ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Đinh Văn T**, sinh năm 1929.

Địa chỉ: Số 282/63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường h, Quận BI, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Lý Cẩm H2, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 39/7 Lê Quang Định, Phường m, quận BI, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền có số công chứng 1339 quyền số 01 ngày 16/01/2018 của Văn phòng Công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Đình P – Văn phòng Luật sư Lê Đình thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận BI.

Địa chỉ: Số 6 đường Phan Đăng Lưu, Phường m, Quận BI, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ P - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận BI.

(Giấy ủy quyền số 93/GUQ-UBND ngày 18/12/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Chiêm Thành Việt - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Q4 lý Đô thị quận BI.

- Ông Trần Duy Tiến - Chức vụ: Nhân viên Phòng Q4 lý nhà thuộc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích quận BI.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Phạm Thị Đình Nhật K**, sinh năm 1978;

3.2. Ông **Phạm Hoàng Đình Nhật K1**, sinh năm 1983;

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1: Bà Lý Cẩm H2, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 39/7 Lê Quang Định, Phường m, Quận BI, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền có số công chứng 16554 quyền số 09 ngày 11/9/2019 của Văn phòng Công chứng số 6 thành phố Hồ Chí Minh).

3.3. Bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm 1987

3.4. Trẻ **Phạm Hoàng Q**, sinh năm 2015;

3.5. Trẻ **Phạm Đăng K3**, sinh năm 2017

Cùng địa chỉ: Số 282/63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường h, Quận BI, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật cho trẻ Q và trẻ K3: Ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1, sinh năm 1983.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông **Đình Văn T** - Người khởi kiện;

4.2. Ông **Phạm Hoàng Đình Nhật K1** – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/4/1977, Ủy ban nhân dân quận BI (Ủy ban Bình Thạnh) ban hành Quyết định số 98/QĐ-77 (gọi Quyết định 98/QĐ-77) về việc kiểm kê ngôi nhà 282/63 Bùi Hữu Nghĩa với lý do ông Trương Văn T4 sở hữu chủ đã trốn đi nước ngoài sau ngày giải phóng.

Ngày 22/7/1994, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi Ủy ban Thành phố) ban hành Quyết định số 35360/QĐ-UB ngày 22/7/1994 (gọi Quyết định 35360/QĐ-UB) về việc xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với căn nhà số 282/63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường h quận BI (gọi Nhà 282/63), thuộc diện nhà vượt biên.

Ngày 30/12/2013, Ủy ban Bình Thạnh ban hành Quyết định số 10280/QĐ-UBND (gọi Quyết định 10280/QĐ-UBND) với nội dung:

Điều 1. - Thu hồi nhà số 282/63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường h quận BI do bà Đặng Thị Q4 sử dụng, nay đã chết.

Điều 2. - Giao Công ty Dịch vụ Công ích quận BI thu hồi trống căn nhà ghi ở điều 1, chốt giữ chờ UBND quận BI bố trí sử dụng.

- Chuyển hộ ông Đinh Văn T gồm 01 nhân khẩu về sử dụng căn nhà số 265 (phần sau) Bạch Đằng Phường 15, quận BI – DTKV: 43,23m² – DTXD: 43,23m² – DTSD: 39,47m², được ký hợp đồng thuê nhà và mua nhà theo Nghị định 61/CP....

Ngày 12/9/2013, Ủy ban Bình Thạnh ban hành Quyết định số 7966/QĐ-UBND (Quyết định 7966/QĐ-UBND) với nội dung:

Điều 1. Nay thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 10280/QĐ-UBND ngày 30/12/2006 của

Lý do: Pháp lý căn cứ thu hồi nhà chưa phù hợp qui định.

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích quận BI thực hiện ký thông báo thu tiền thuê nhà với ông Đinh Văn T (truy thu tiền thuê nhà nếu chưa thu)....

Không chấp nhận Điều 2 của quyết định này, ông T thực hiện việc khởi kiện tại tòa.

** Trong Đơn khởi kiện ngày 06/10/2011; Đơn khởi kiện ngày 21/8/2014 và các Biên bản đối thoại ngày 19/01 và 29/11/2018 và tại phiên tòa người khởi kiện ông Đinh Văn T có bà Lý Cẩm H2 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Đinh Văn T và bà Đặng Thị Q4 tự nguyện kết hôn năm 1989 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 22/7/1989 của Ủy ban Phường h quận BI, không có con chung.

Nhà 282/63 có nguồn gốc do bà Đặng Thị Q4 mua bằng giấy tay của ông Cua vào năm 1961. Năm 1963 bà Q4 có xây dựng lại nhà và ở cho đến nay. Trong quá trình sử dụng bà Q4 có đăng ký kê khai nhà – đất qua các thời kỳ cụ thể năm 1977 và năm 1999; có đóng thuế nhà – đất từ năm 1978 đến năm 2006. Năm 2001, bà Q4 có làm hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận đối với nhà trên nhưng không được giải quyết. Theo đơn yêu cầu cấp giấy, Ủy ban nhân dân Phường h quận BI đã xác nhận tình trạng pháp lý như sau: *Nhà mua; quá trình sử dụng không bị tranh chấp...*. Theo Giấy khai tử số 10 ngày 07/02/2006 bà Q4 chết ngày 31/10/2006. Ngày 30/12/2006, Ủy ban Bình Thạnh ban hành Quyết định 10280/QĐ-UBND đề thu hồi Nhà 282/63, không đồng ý với Quyết định 10280/QĐ-UBND, ông T thực hiện quyền khiếu nại tại Ủy ban Bình Thạnh, nhưng không được giải quyết. Năm 2011, ông T khởi kiện ra tòa yêu cầu hủy bỏ Quyết định 10280/QĐ-UBND. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, Ủy ban Bình Thạnh ban hành Quyết định 7966/QĐ-UBND. Do tại Điều 2 của Quyết định 7966/QĐ-UBND qui định việc ký thông báo thu tiền thuê nhà đối với ông T, nội dung này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Từ lý do này ông T yêu cầu:

- Hủy bỏ Điều 2 của Quyết định 7966/QĐ-UBND;
- Quyết định 10280/QĐ-UBND, Ủy ban Bình Thạnh đã thu hồi và hủy bỏ, ông T rút yêu cầu khởi kiện

** Tại Bản tự khai ngày 19/12/2018, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận BI có ông Hồ P đại diện theo ủy quyền có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T như sau:*

Theo Tờ khai gia đình tháng 11/1971 và Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú ngày 01/10/1976, ông Trương Văn T4 là gia trưởng, bà Đặng Thị Q4 và ông T4 quan hệ là anh em.

Nhà 282/63 do ông T4 là chủ sở hữu, sau năm 1975 ông T4 bỏ trốn đi nước ngoài, bà Q4 sử dụng.

Ngày 23/03/1977, Phòng Q4 lý Nhà đất và Công trình Công cộng quận BI quận BI có Công văn số 98/VP-NĐ-77 về việc thẩm tra và xác minh- liên quan đến Nhà 282/63 với ý kiến: *“Qua thẩm tra, báo cáo về Nhà 282/63, sở hữu chủ đã trốn chạy, thuộc diện vắng. Đề nghị Ủy ban ra quyết định kiểm kê, Q4 lý ngôi nhà cùng tài sản Nhà 282/63”*.

Tại Điều 2 của Quyết định 98/QĐ-77 có nêu: “*Phòng QLND phối hợp với UBND Phường h tiến hành kiểm kê Q4 lý ngôi nhà trên chờ xử lý sau. Vận động, giáo dục bà Đặng Thị Q4 trở về Vĩnh Long ở với con vì đây là tài sản vắng chủ phải do Nhà nước Q4 lý sử dụng*”.

Theo hồ sơ kiểm kê ngày 24/6/1977, căn nhà trên bà Q4 sử dụng, ngày 26/8/1981 Đội Q4 lý nhà quận BI báo cáo bà Q4 sử dụng nhà và không đồng ý ký hợp đồng thuê nhà.

Ngày 02/7/2003, Công ty Q4 lý nhà quận BI ban hành Thông báo số 244/VP-QLN về việc ký hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước gửi cho bà Q4.

Ngày 05/10/2005, Công ty Dịch vụ Công ích quận BI (gọi Công ty Công ích) ban hành Thông báo số 752/TB-DVCI về việc ký hợp đồng thuê nhà và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định 61/CP của Chính phủ gửi cho bà Q4.

Ngày 05/01/2006, bà Q4 gửi đơn xin ngăn chặn có nội dung không tiến hành việc ký hợp đồng với ông Đinh Văn T hoặc những người khác nếu có, với lý do nhà đang trong quá trình giải quyết khiếu nại.

Ngày 20/02/2006, ông T gửi đơn tại Công ty Dịch vụ Công ích quận BI với nội dung đề nghị ký hợp đồng thuê Nhà 282/63.

Ngày 08/01/2007, Công ty Công ích làm việc với ông T về việc thực hiện Quyết định 10280/QĐ-UBND và ông T có ý kiến: “*về việc thực hiện quyết định gia đình sẽ có ý kiến sau, trong vòng 30 ngày*”. Sau đó ông T khiếu nại quyết định này theo đơn ngày 25/01/2007 và Ủy ban Bình Thạnh ban hành Quyết định 7966/QĐ-UBND để thu hồi, hủy bỏ. Trong Quyết định 7966/QĐ-UBND, ngoài việc quyết định thu hồi, hủy bỏ Quyết định 10280/QĐ-UBND, Ủy ban Bình Thạnh còn quyết định Điều 2 với nội dung giao Công ty Công ích thực hiện việc ký thông báo thu tiền thuê nhà đối với ông T.

Xác định Nhà 282/63 thuộc sở hữu Nhà nước theo Quyết định 35360/QĐ-UBND, Ủy ban Bình Thạnh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1 trình bày: Cả gia đình ông gồm vợ Nguyễn Thị Thanh T1, 2 con Phạm Hoàng Q (sinh năm 2015) và Phạm Đăng K3 (sinh năm 2017) sinh sống tại Nhà 282/63 từ năm 2011, là cháu ngoại của ông T. Ông không nắm rõ diễn biến sự việc liên quan đến nhà này. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có hồ sơ xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Tại Bản tự khai ngày 05/11/2018, bà Nguyễn Thị Thanh T1 có lời trình bày giống ông K1.

3. Tại Bản tự khai ngày 05/11/2018, bà Phạm Thị Đình Nhật K có ý kiến đối với việc khởi của ông T giống ông K1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện đối với một phần Quyết định 7966/QĐ-UBND. Còn Quyết định 10280/QĐ-UBND, Ủy ban Bình Thạnh đã thu hồi hủy bỏ nên ông T không yêu cầu giải quyết nữa, vẫn giữ nguyên đề nghị rút yêu cầu khởi kiện.

* Đại diện người bị kiện có yêu cầu vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông K1 và đại diện của ông K1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T.

- Bà T1 có yêu cầu vắng mặt.

- Bà K có yêu cầu vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện phát biểu:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Nhà 282/63 do ông Trương Văn T4 đứng tên mua, Nhà nước kiểm kê và Q4 lý có diện tích ngang 6m dài 12m = 72m². Nhà 282/63 của bà Q4 có diện tích thực tế sử dụng là 261,6m². Hai căn nhà khác nhau rất lớn về diện tích. Vì vậy, không có cơ sở cho rằng Nhà 282/63 là nhà của ông T4, người đã vượt biên.

Theo Quyết định 35360/QĐ-UB thì Nhà 282/63 Nhà nước đã xác lập sở hữu Nhà nước, nhưng theo hồ sơ lưu không thể hiện việc tiếp tục Q4 lý.

Theo quy định tại Điều 1 của Quyết định 297/QĐ-CT ngày 02/7/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thì Quyết định 35360/QĐ-UB Ủy ban thành phố ban hành trái luật. Bà Q4 và ông T hoàn toàn không nhận và biết được Quyết định này.

Trong quá trình sử dụng bà Q4 và ông T có thực hiện việc đăng ký kê khai nhà – đất năm 1977 và năm 1999, có đóng thuế nhà – đất hằng năm.

Giữa ông T và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có Hợp đồng thuê nhà, Nhà 282/63 của bà Q4 đã hội đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ và Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Đề nghị, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng;

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy Quyết định 7966/QĐ-UBND Ủy ban Bình Thạnh ban hành đúng quy định. Yêu cầu của ông T không có cơ sở chấp nhận.

Về phần án phí: Ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn các khoản án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của ông T có đơn yêu cầu. Đề nghị, bác kháng cáo của ông T và ông K1; Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 1489/2019/HCST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận BI và sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quyền kháng cáo:

Ngày 22/8/2019, Tòa án nhân dân Quận BI tiến hành xét xử và tuyên án vào ngày 28/8/2019. Ngày 09/9/2019, người khởi kiện ông Đinh Văn T có bà Lý Cẩm H2 đại diện theo ủy quyền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1 có đơn kháng cáo. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 206 và Điều 207 Luật Tố tụng hành chính, kháng cáo còn trong thời hạn, được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại các Đơn cùng ngày 14/02/2020 và 20/02/2020, đại diện người bị kiện là ông Hồ P; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Chiêm Thành Việt và ông Trần Duy Tiến; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 và bà Phạm Thị Đình Nhật K có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông T khởi kiện Điều 2 của Quyết định 7966/QĐ-UBND quy định về việc ban hành thông báo thu tiền thuê nhà. Đây là quyết định hành chính trong Q4 lý nhà, đất do Ủy ban Bình Thạnh ban hành được áp dụng đối với ông Đinh Văn T, được Tòa án nhân dân quận BI thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính và Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính số 104/2015/QH13.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Đại diện của ông T cho rằng Nhà 282/63 là nhà thuộc sở hữu của bà Q4, do bà Q4 mua bằng giấy tay năm 1961 và có xây dựng năm 1963, sau khi bà Q4 chết, ông T là người thừa kế duy nhất tiếp tục Q4 lý sử dụng, không có ký hợp đồng thuê nhà với Nhà nước, không T trường hợp đóng tiền thuê nhà. Đại diện Ủy ban Bình Thạnh không chấp nhận lập luận này của ông T bởi Nhà nước đã xác lập quyền sở hữu theo Quyết định 35360/QĐ-UB của Ủy ban Thành phố và ông T thuộc trường hợp phải ban hành thông báo thu tiền thuê nhà.

[4] Theo Luật đất đai và các văn bản liên quan đến việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận, bà Q4 và ông T có quyền yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Nhà 282/63, nhưng phải chứng minh việc tạo lập nhà này là hợp pháp. Tính đến thời điểm Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 3536/QĐ-UB để xác lập sở hữu Nhà nước, bà Q4 và ông T không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh Nhà 282/63 có nguồn gốc là do bà Q4 tạo lập hợp pháp thông qua việc mua bán từ năm 1961.

[5] Theo Thông báo số 752/TB-DVCI ngày 05/10/2005, Công ty dịch vụ Công ích quận BI có đề nghị bà Q4 ký hợp đồng thuê nhà 282/63 theo Nghị định 61-CP ngày 05/7/1994. Tại đơn đề ngày 20/02/2006 gửi Công ty Dịch vụ Công ích Quận BI do ông T lập và ký tên, ông T đã căn cứ vào Thông báo này đề nghị được ký hợp đồng thuê Nhà 282/63 theo chính sách Nhà nước. Như vậy, tính đến thời điểm năm 2006, ông T đã biết Nhà 282/63 Nhà nước đã Q4 lý và mong muốn được ký hợp đồng thuê với Nhà nước.

[6] Từ những nhận định trên, yêu cầu hủy Điều 2 trong Quyết định 7966/QĐ-UBND của ông T không có cơ sở để chấp nhận. Ủy ban Bình Thạnh quy định Điều 2 tại Quyết định 7966/QĐ-UBND là đúng luật. Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ pháp luật. Do đó, không cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T và ông K1.

[7] Đối với Quyết định 10280/QĐ-UBND, trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban Bình Thạnh đã thu hồi và hủy bỏ, người khởi kiện đã rút yêu cầu giải quyết. Theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét đình chỉ giải quyết. Tuy nhiên, người kháng cáo không kháng cáo phần này và việc giải quyết không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hành chính:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q4 lý và sử dụng án phí;

Đối với người kháng cáo ông T, theo Chứng minh nhân dân do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Sổ hộ khẩu, ông T sinh năm 1929. Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của ông T có yêu cầu xem xét miễn án phí. Vì vậy, sửa án sơ thẩm về phần án phí, đây là tình tiết mới. Ông T được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại các án phí tạm nộp cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 220; Khoản 4 Điều 225; Khoản 1 Điều 241; Điều 242 và Khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q4 lý và sử dụng án phí

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn T và ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1.

II. Sửa một phần Bản án sơ thẩm như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T về việc yêu cầu hủy Điều 2 của Quyết định số 7966/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận BI về thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 10280/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận BI về thu hồi nhà số 282/63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường h, quận BI, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Đinh Văn T được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Đinh Văn T số tiền 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số AD/2010/04951 ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BI bà Lý Cẩm H2 đứng tên người nộp tiền.

III. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Đinh Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Đinh Văn T số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2018/0021730 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BI do bà Lý Cẩm H2 đứng tên người nộp tiền.

- Ông Phạm Hoàng Đình Nhật K1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0021729 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BI.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận BI;
- Chi Cục THADS quận BI;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng